

TRƯỜNG THCS TRẦN HUY LIỆU**ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ I NĂM HỌC 2022 - 2023****MÔN: TOÁN - KHỐI 6***Thời gian làm bài: 90 phút (không kể thời gian phát đề)***Bài 1: (3 điểm)** Thực hiện phép tính (tính hợp lý nếu có):

a) $38 - 28:7.3 - 12$

b) $73.32 + 69.73 - 73$

c) $(36 - 82) - (50 - 82 - 64)$

Bài 2: (2 điểm) Tìm x.

a) $2 - x = -5$

b) $2.(x - 4^2) + 7 = 15$

Bài 3: (1 điểm) Bạn An tìm hiểu về các môn thể thao yêu thích của 39 bạn học sinh lớp 6A và thu được kết quả như sau:

a) Bạn An đang điều tra về vấn đề gì?

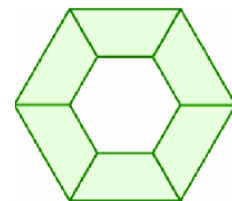
b) Bạn An thu nhập được các loại dữ liệu gì?

c) Môn thể thao nào được các bạn trong lớp 6A yêu thích nhiều nhất?

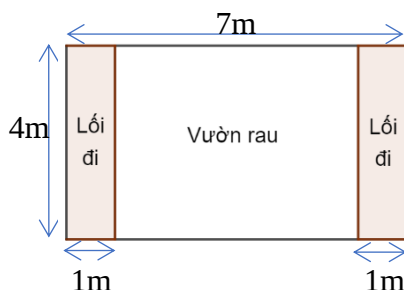
Môn thể thao	Kiểm đếm
Bóng rổ	
Bóng bàn	
Cầu lông	
Bóng đá	
Bơi lội	
Nhảy xa	

Bài 4: (1 điểm) Một trường THCS tổ chức cho học sinh khối 6 và khối 7 đi học tập ngoại khóa ở Củ Chi bằng xe du lịch. Nếu xếp tất cả các xe đều 40 học sinh hoặc xếp tất cả các xe đều 45 học sinh thì không dư em nào. Tính tổng số học sinh khối 6 và khối 7 đi tham dự học tập ngoại khóa? Biết rằng tổng số học sinh khối 6 và khối 7 tham dự học tập ngoại khóa trong khoảng từ 650 đến 750 học sinh.**Bài 5: (2 điểm)**

a) Hãy kể tên các hình có trong hộp mức tết (xem hình minh họa) và nêu số lượng của mỗi hình?



b) Một khu vườn hình chữ nhật có chiều dài là 7m, chiều rộng là 4m. Người ta lấy một phần mảnh vườn làm lối đi rộng 1m (như hình vẽ), phần còn lại dùng để trồng rau. Tính chu vi vườn rau và diện tích lối đi?

**Bài 6: (1 điểm)** Bạn An đổ bạn Hiếu nếu ngày 01/01/2023 rơi vào ngày Chủ nhật thì

a) Ngày 08/01/2023 rơi vào ngày thứ mấy? Vì sao?

b) Ngày 08/03/2023 rơi vào ngày thứ mấy? Vì sao?

2023

February

S	M	T	W	T	F	S
			1	2	3	4
5	6	7	8	9	10	11
12	13	14	15	16	17	18
19	20	21	22	23	24	25
26	27	28				

--HẾT--

ĐÁP ÁN – THANG ĐIỂM

Bài 1: (3 điểm) Thực hiện phép tính: (Tính hợp lý nếu có)

- a. $38 - 28 : 7 \cdot 3 - 12$
= $38 - 4 \cdot 3 - 12$0.25đ
= $38 - 12 - 12$0.25đ
= $26 - 12$0.25đ
= 140.25đ
- b. $73.32 + 69.73 - 73$
= $73 \cdot (32 + 69 - 1)$ 0.5đ
= $73 \cdot 100$0.25đ
= 73000.25đ
- c. $(36 - 82) - (50 - 82 - 64)$
= $36 - 82 - 50 + 82 + 64$ 0.25đ
= $(36 + 64) + (-82 + 82) - 50$0.25đ
= $100 - 50$0.25đ
= 500.25đ

Bài 2: (2 điểm) Tìm x.

- a. $2 - x = -5$
 $x = 2 - (-5)$ 0.5đ
 $x = 7$0.5đ
- b. $2 \cdot (x - 4^2) + 7 = 15$
 $2 \cdot (x - 16) = 8$ 0.25đx2
 $x - 16 = 4$0.25đ
 $x = 20$0.25đ

Bài 3: (1 điểm)

- a. Các môn thể thao được yêu thích của các bạn trong lớp 6A.....0.25đ
- b. Danh sách các môn thể thao yêu thích và số lượng các bạn yêu thích trong từng môn.0.25đx2
- c. Bóng bàn.....0.25đ

Bài 4: (1 điểm)

Gọi x (HS) là số học sinh cần tìm.0.25đ

Theo đề bài ta có: $x : 40, x : 45$ ($650 \leq x \leq 750$)

Nên $x \in BC(40; 45)$

$$40 = 2^3 \cdot 5; \quad 45 = 3^2 \cdot 5$$

$$BCNN(40; 45) = 2^3 \cdot 3^2 \cdot 5 = 360$$
.....0.25đ

$$\text{Suy ra: } x \in BC(40; 45) = B(360) = \{0; 360; 720; \dots\}$$

$$\text{Mà } 650 \leq x \leq 750 \text{ nên } x = 720$$
.....0.25đ

Vậy số học sinh khối 6 và khối 7 tham gia ngoại khóa là 720 HS.0.25đ

Bài 5:(2 điểm)

- a) Hình thang cân và lục giác đều. Hình thang cân có 6 hình, hình lục giác đều có 2 hình..0.25đx4
- b) Chu vi vườn rau là: $[(7-2) + 4] \cdot 2 = 18m$0.25đx2
Diện tích lối đi: $1 \cdot 4 \cdot 2 = 8m^2$0.25đx2

Bài 6: (1 điểm)

- a) Từ ngày 1/1 đến 8/1/2023 (không tính ngày 1/1) có 7 ngày. $7:7=1$ dư 0 nên ngày 8/1/2023 rơi vào ngày Chủ nhật.....0.25đx2
- b) Từ ngày 1/1 đến 8/3 /2023 (không tính ngày 1/1) có $30 + 28 + 8 = 66$ ngày. $66:7=9$ dư 3 nên ngày 8/3/2023 rơi vào ngày thứ Tư.....0.25đx2

KHUNG MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ I TOÁN 6

TT	Chủ đề	Nội dung/Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá								Tổng % điểm
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao		
			TNKQ	TL	TNKQ	TL	TNKQ	TL	TNKQ	TL	
1	Số tự nhiên (24 tiết)	Số tự nhiên. Các phép tính với số tự nhiên. Phép tính lũy thừa với số mũ tự nhiên		1 Bài 1a 1đ		2 Bài 1b, 2b 2đ					50%
		Tính chia hết trong tập hợp các số tự nhiên. Số nguyên tố. Ước chung và bội chung					1 Bài 4 1đ		1 Bài 6 1đ		
2	Số nguyên (20 tiết)	Số nguyên âm và tập hợp các số nguyên. Thứ tự trong tập hợp các số nguyên		1 Bài 1c 1đ		1 Bài 2a 1đ					20%
		Các phép tính với số nguyên. Tính chia hết trong tập hợp các số nguyên									
3	Các hình phẳng trong thực tiễn (10 tiết)	Tam giác đều, hình vuông, lục giác đều.		1 Bài 5a 1đ							20%
		Hình chữ nhật, Hình thoi, hình bình hành, hình thang cân.					1 Bài 5b 1đ				
4	Một số yếu tố thống kê. (10 tiết)	Thu thập và tổ chức dữ liệu.		1 Bài 3 1đ							10%
		Mô tả và biểu diễn dữ liệu trên các bảng, biểu đồ.									
Tổng: Số câu Điểm											
Tỉ lệ %			40%		30%		20%		10%		100%
Tỉ lệ chung			70%				30%				100%

Chú ý: Tổng tiết: 55 tiết

GV RA ĐỀ: PHẠM THỊ HỒNG THẨM.

BẢN ĐẶC TẢ MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HKI TOÁN 6

STT	Chương/Chủ đề		Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
SỐ - ĐẠI SỐ							
1	Tập hợp các số tự nhiên	Số tự nhiên. Các phép tính với số tự nhiên. Phép tính lũy thừa với số mũ tự nhiên	Thông hiểu: – Thực hiện được các phép tính: cộng, trừ, nhân, chia trong tập hợp số tự nhiên. – Thực hiện được phép tính lũy thừa với số mũ tự nhiên; thực hiện được các phép nhân và phép chia hai lũy thừa cùng cơ số với số mũ tự nhiên. Vận dụng: – Vận dụng được các tính chất giao hoán, kết hợp, phân phối của phép nhân đối với phép cộng trong tính toán. – Thực hiện được phép tính lũy thừa với số mũ tự nhiên; thực hiện được các phép nhân và phép chia hai lũy thừa cùng cơ số với số mũ tự nhiên. – Vận dụng được các tính chất của phép tính (kể cả phép tính lũy thừa với số mũ tự nhiên) để tính nhẩm, tính nhanh một cách hợp lí.	1 TL (Bài 1a)	1 TL (Bài 1b)		
		Tính chia hết trong tập hợp các số tự nhiên. Số nguyên tố. Ước chung và bội chung	Nhận biết : – Nhận biết được quan hệ chia hết, khái niệm ước và bội. – Nhận biết được khái niệm số nguyên tố, hợp số. – Nhận biết được phép chia có dư, định lí về phép chia có dư. – Nhận biết được phân số tối giản. Thông hiểu: – Thực hiện được việc phân tích một số tự nhiên lớn hơn 1 thành tích của các thừa số nguyên tố trong những trường hợp đơn giản. Vận dụng: – Vận dụng được kiến thức số học vào giải quyết những vấn đề thực tiễn (phức hợp, không quen thuộc) .			1 TL (Bài 2b)	1TL (Bài 4)
2	Số nguyên	Số nguyên âm và tập hợp các số nguyên. Thứ tự trong tập hợp các số	Nhận biết: – Nhận biết được số nguyên âm, tập hợp các số nguyên. – Nhận biết được số đối của một số nguyên. – Nhận biết được thứ tự trong tập hợp các số nguyên.	1 TL (Bài 1c)	1 TL (Bài 2a)		

		nguyên	- Nhận biết được ý nghĩa của số nguyên âm trong một số bài toán thực tiễn. Thông hiểu: - Biểu diễn được số nguyên trên trục số. - So sánh được hai số nguyên cho trước.				
		Các phép tính với số nguyên. Tính chia hết trong tập hợp các số nguyên	Nhận biết: - Nhận biết được quan hệ chia hết, khái niệm ước và bội trong tập hợp các số nguyên. Thông hiểu: - Thực hiện được các phép tính: cộng, trừ, nhân, chia (chia hết) trong tập hợp các số nguyên. Vận dụng: - Vận dụng được các tính chất giao hoán, kết hợp, phân phối của phép nhân đối với phép cộng, quy tắc dấu ngoặc trong tập hợp các số nguyên trong tính toán (tính viết và tính nhẩm, tính nhanh một cách hợp lý). - Giải quyết được những vấn đề thực tiễn (<i>đơn giản, quen thuộc</i>) gắn với thực hiện các phép tính về số nguyên (ví dụ: tính lỗ lãi khi buôn bán,...).				
HÌNH HỌC VÀ ĐO LƯỜNG							
3	Các hình phẳng trong thực tiễn	Tam giác đều, hình vuông, lục giác đều.	Nhận biết: Nhận dạng về tam giác đều, hình vuông, lục giác đều.	1 TL (Bài 5a)			
		Hình chữ nhật, Hình thoi, hình bình hành, hình thang cân.	Thông hiểu: - Mô tả được một số yếu tố cơ bản (cạnh, góc, đường chéo) của hình chữ nhật, hình thoi, hình bình hành, hình thang cân. Vận dụng : - Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn (đơn giản) gắn với việc tính chu vi và diện tích của các hình đặc biệt nói trên.			1 TL (Bài 5b)	
MỘT SỐ YẾU TỐ THỐNG KÊ VÀ XÁC SUẤT							
4	Một số yếu tố thống kê	Thu thập và tổ chức dữ liệu.	Nhận biết: Nhận biết được tính hợp lý của dữ liệu theo các tiêu chí đơn giản.	1 TL (Bài 3)			
		Mô tả và biểu diễn dữ liệu trên các bảng, biểu đồ.	Thông hiểu: Mô tả được các dữ liệu ở dạng: bảng thống kê; biểu đồ tranh; biểu đồ dạng cột/cột kép (<i>column chart</i>).				

